

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST

Ngày 02-02-2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Duy Thạch

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Thư

Bà Nguyễn Thị Lợi

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Tình - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Trương Thị Thanh Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 362/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị V; ĐKTT: Thôn N, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; cư trú tại thôn V, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên toà.

- *Bị đơn:* Anh Tống Văn M; cư trú tại Thôn N, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại các bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị V và anh Tống Văn M kết hôn với nhau do tự nguyện và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện A,

thành phố Hải Phòng vào ngày 24 tháng 6 năm 2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau tại gia đình bố, mẹ đẻ anh Tổng Văn M ở thôn N, xã A. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hợp nên thường xuyên xảy ra đánh cãi, chửi nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình khuyên ngăn, hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả mà ngày càng căng thẳng, trầm trọng và không còn khả năng khắc phục. Do mâu thuẫn căng thẳng nên cũng từ năm 2018, chị Nguyễn Thị V đã bỏ về nhà bố, mẹ đẻ ở thôn V, xã Q sống ly thân với anh Tổng Văn M; hiện tại vợ chồng không ai quan tâm và trách nhiệm đến nhau. Nay chị Nguyễn Thị V xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tổng Văn M.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Tổng Thị Phương T - sinh ngày 02 tháng 10 năm 2009 và Tổng Bảo Đ - sinh ngày 03 tháng 9 năm 2014. Ly hôn chị Nguyễn Thị V đề nghị Tòa án giao con chung Tổng Thị Phương T cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Tổng Bảo Đ cho anh M nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Thị V và anh Tổng Văn M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị Nguyễn Thị V không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản.

Đối với bị đơn anh Tổng Văn M, trong quá trình giải quyết vụ án, đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh Tổng Văn M đều vắng mặt không có lý do nên không có quan điểm của anh Tổng Văn M trước yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến khẳng định:

- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt nhiều lần, không có lý do nên đã không chấp hành các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự, các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị V được ly hôn với anh Tổng Văn M; về con chung, giao con chung Tổng Thị Phương T - sinh ngày 02 tháng 10 năm 2009 cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Tổng Bảo Đ - sinh ngày 03 tháng 9 năm 2014 cho anh Tổng Văn M trực tiếp nuôi dưỡng; thời hạn nuôi con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của

pháp luật; về việc cấp dưỡng nuôi con và về tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc xét xử vắng mặt của bị đơn: Bị đơn, anh Tống Văn M đã được Toà án tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục tố tụng nhưng anh Tống Văn M vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Tống Văn M.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của nguyên đơn, các tài liệu, chứng cứ khác do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án đã xác định chị Nguyễn Thị V và anh Tống Văn M kết hôn với nhau do tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 24 tháng 6 năm 2008. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp; hiện tại đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị V và anh Tống Văn M đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị V được ly hôn với anh Tống Văn M.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị V và anh Tống Văn M có 02 con chung Tống Thị Phương T - sinh ngày 02 tháng 10 năm 2009 và Tống Bảo Đ - sinh ngày 03 tháng 9 năm 2014. Ly hôn chị Nguyễn Thị V có quan điểm đề nghị Tòa án giao con chung Tống Thị Phương T cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Tống Bảo Đ cho anh Tống Văn M trực tiếp nuôi dưỡng; anh Tống Văn M vắng mặt, không có quan điểm về việc nuôi con chung. Việc nuôi con chung vừa là quyền, vừa là nghĩa vụ của cha, mẹ nên giao con chung cho ai nuôi dưỡng cũng phải đảm bảo các con chung được nuôi dạy và phát triển trong điều kiện tốt nhất. Xét thấy điều kiện nuôi con chung của các bên là ngang nhau và để con chung có cuộc sống ổn định sau khi ly hôn, phù hợp với nguyện vọng của con chung cần giao con chung Tống Thị Phương T cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Tống Bảo Đ cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Ly hôn chị Nguyễn Thị V có quan điểm việc cấp dưỡng nuôi con sẽ do chị và anh Tống Văn M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét quan điểm chị Nguyễn Thị V đưa ra là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận; việc cấp dưỡng nuôi con chung sẽ do các đương

sự tự thỏa thuận, Tòa án không xem xét, giải quyết. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản: Do các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Nếu các bên đương sự có tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con chung hoặc về tài sản, Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; các điều 143, 147, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ các điều 6, 7, 9 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị V được ly hôn với anh Tổng Văn M.

2. Về con chung: Giao con chung Tổng Thị Phương T - sinh ngày 02 tháng 10 năm 2009 cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Tổng Bảo Đ - sinh ngày 03 tháng 9 năm 2014 cho anh Tổng Văn M trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do các đương sự tự thỏa thuận, Tòa án không xem xét giải quyết.

Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị V phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước. Chị Nguyễn Thị V đã nộp số tiền 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (theo Biên lai thu tiền số 0012859 ngày 28 tháng 10 năm 2020) nên không phải nộp nữa.

Nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Cục Thi hành án dân sự Tp. Hải Phòng;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND xã A, huyện A;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Duy Thạch